

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

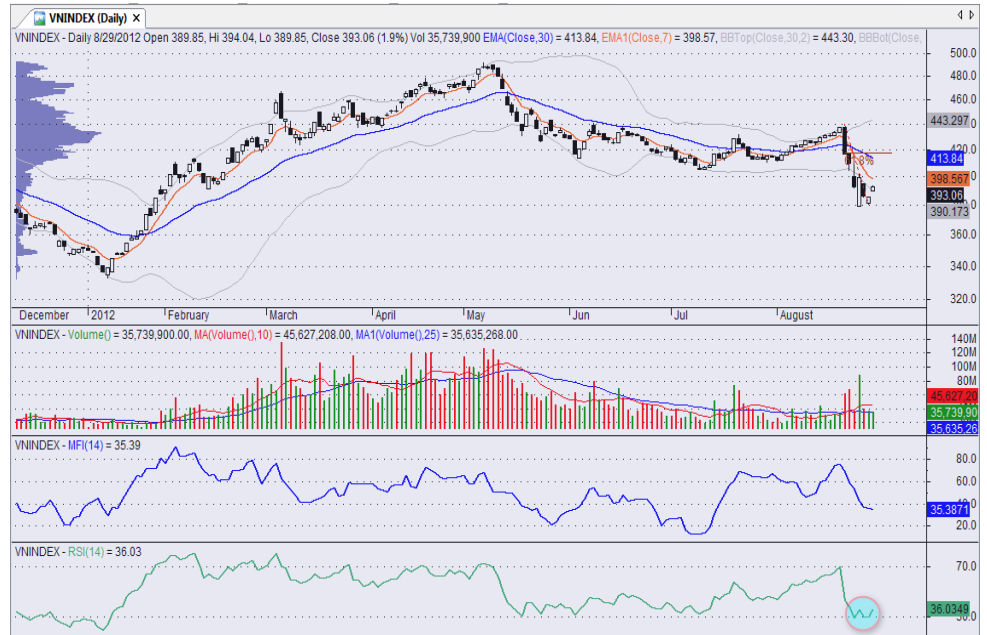
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	393.06 ↑	7.28	1.89%
KLGD (triệu ck)	41.60 ↑	0.37	0.90%
GTGD (tỷ đồng)	582.34 ↑	42.77	7.93%
Tổng cung (triệu ck)	112.40 ↓	-22.79	-16.85%
Tổng cầu (triệu ck)	148.47 ↑	18.09	13.87%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.47 ↑	0.67	37.32%
KL bán (triệu ck)	3.22 ↓	-0.49	-13.14%
Giá trị mua (tỷ đồng)	76.04 ↑	28.08	58.54%
Giá trị bán (tỷ đồng)	70.22 ↓	-12.43	-15.04%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	417	***
Kháng cự 2	430	*
Kháng cự 3	460	***
Hỗ trợ 1	393	***
Hỗ trợ 2	330	****
Hỗ trợ 3		

* Yếu
** Trung Bình
*** Mạnh
**** Rất mạnh

Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999



Tin đáng chú ý:

- Bảy nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G-7) ngày 28/8 kêu gọi các nước sản xuất dầu mỏ gia tăng sản lượng khai thác, cảnh báo rằng giá dầu tăng cao sẽ gây ra những nguy cơ khôn lường cho nền kinh tế toàn cầu.
- Chỉ số tồn kho một số ngành tăng mạnh tính đến 1/8: sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 81,6%, sản xuất sản phẩm từ plastic tăng 69,2%, sản xuất thiết bị truyền thông tăng 61,9%, sản xuất xi măng tăng 50,6%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng dưới mức 50% là sản xuất pin và ắc, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, sản xuất bia tăng, và sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Nhận định thị trường:

Như đã nhận định trong các bản tin trước, trạng thái quá bán trên nhiều công cụ kĩ thuật như RSI, Bollinger Band... có thể đem lại những phiên phục hồi mạnh cho chỉ số hai sàn. Nếu tiếp tục diễn biến tích cực, chỉ VN-Index sẽ sớm tiến tới sát kháng cự 417 điểm (tương đương fibonacci 50% của sóng giảm trước đó) còn HNX-Index thậm chí có thể kiểm chứng lại ngưỡng kháng cự 65 điểm. NĐT nắm giữ cổ phiếu có thể tiếp tục giữ danh mục hiện có và chờ đợi tín hiệu rõ ràng hơn từ diễn biến thị trường, đặc biệt là tín hiệu từ yếu tố thanh khoản trong những phiên sắp tới.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	61.88 ↑	2.15	3.60%
KLGD (triệu ck)	33.15 ↑	1.48	4.69%
GTGD (tỷ đồng)	298.50 ↑	19.34	6.93%
Tổng cung (triệu ck)	36.13 ↓	-9.05	-20.02%
Tổng cầu (triệu ck)	56.62 ↑	9.92	21.24%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.13 ↑	0.34	43.78%
KL bán (triệu ck)	0.68 ↑	0.01	1.62%
Giá trị mua (tỷ đồng)	13.72 ↑	1.81	15.16%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.40 ↑	3.24	45.24%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	66	***
Kháng cự 2	72	***
Kháng cự 3	85	****
Hỗ trợ 1	65	***
Hỗ trợ 2	60	***
Hỗ trợ 3	54.5	****

- * Yếu
 ** Trung Bình
 *** Mạnh
 **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 10 phiên	32,781,000
Bình quân 25 phiên	35,600,000
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	35,739,000

Nhận định thị trường:

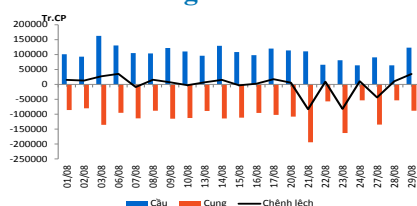
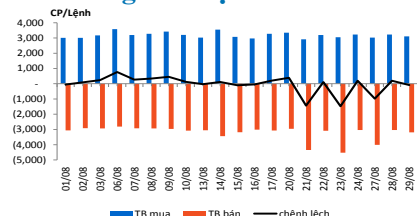
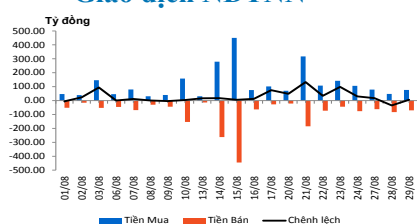
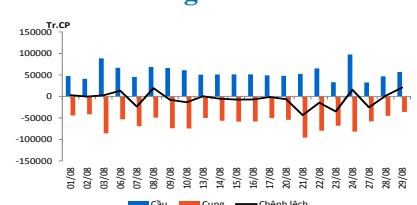
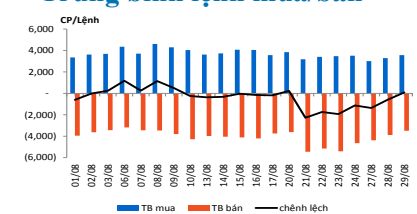
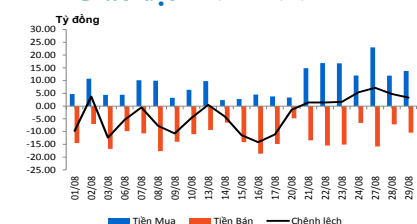
Đồ thị HNX-Index.

Nhận định diễn biến sàn Hà Nội:

Phân kì dương (Positive Divergence) xuất hiện trên công cụ RSI từ trạng thái Quá Bán thể hiện đợt sóng hồi kĩ thuật xuất hiện như chúng tôi đã phân tích trong 2 bản tin trước. Trong phiên giao dịch ngày hôm nay, có thể thấy rằng mặc dù sức cầu chưa thực sự mạnh mẽ nhưng áp lực bán giá thấp hầu như đã không còn. Điều này cùng các tín hiệu kĩ thuật cho thấy khả năng phục hồi có thể tiếp diễn vài phiên.

Với trạng thái của thị trường, xu thế giảm hiện vẫn chưa bị phá vỡ. EMA (30) thể hiện vai trò như là một xu thế động, là kháng cự mạnh của chỉ số trong các xu thế giảm, và hiện cho thấy kháng cự này đang có chiều hướng tiến xuống vùng 66 điểm.

Fibonacci, EMA 30 cho thấy kháng cự 65 – 67 điểm sẽ là vùng kháng cự mạnh với HNX-Index. Với thanh khoản như hiện tại, HNX-Index vẫn có thể tiến tới kiểm chứng lại vùng kháng cự này, tuy nhiên nếu sức cầu không được cải thiện mạnh hơn nữa thì khả năng vượt ngưỡng kháng cự sẽ khó xảy ra.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Đợt khớp lệnh đầu tiên, Vn-Index phục hồi mạnh mẽ và đã tăng hơn 1%, tương đương hơn 4 điểm, lên mức 389,85 điểm. Áp lực bán giá thấp có vẻ tạm thời cạn kiệt, tuy nhiên thanh khoản thị trường mới chỉ đạt hơn 24 tỷ đồng.

Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, VN-Index tăng đến 7.13 điểm (1.85%) lên 392.91 điểm. Tăng trần tích cực nhất trên HOSE có lẽ là DPM. Nhóm cổ phiếu dòng họ “P” nổi bật với PVT, PVD, PVF... đều tăng giá rất mạnh. EIB bị xả hàng giá thấp khá nhiều, kết thúc phiên sáng giảm đáng kể với hơn 2 triệu đơn vị khớp lệnh.

Đà tăng tiếp tục được giữ vững tới cuối phiên giao dịch, VN-Index chốt phiên tại 393,06 điểm, tăng 1,88% và thanh khoản sàn HOSE cũng tăng lên hơn 41,5 triệu đơn vị cổ phiếu, tương đương với 582 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Sau gần 30 phút mở cửa, HNX-Index đang tăng khoảng 2% và giao dịch đã được cải thiện hơn rất nhiều, sau khi hiện tượng tin đồn có dấu hiệu tan biến. Áp lực bán giá thấp đã giảm đi rất nhiều, các lệnh dư bán trên thị trường hầu hết đều ở mức giá cao. Cổ phiếu giảm giá lúc này chỉ còn là thiểu số. Cổ phiếu ngân hàng giao dịch ổn định trở lại với ACB tăng nhẹ, các cổ phiếu chứng khoán như KLS, BVS, VND có chiều hướng tăng mạnh.

Kết phiên sáng, các cổ phiếu Chứng khoán thị giá thấp như APS, AVS, ORS, SHS... chứng kiến lực cầu đầu cơ trở lại, sau khi đã có dấu hiệu mạnh nha từ hôm qua. Bất ngờ nhất có lẽ là PVX, khi cổ phiếu này tăng trần với khối lượng khớp lệnh đến cuối phiên sáng lên đến hơn 2.4 triệu đơn vị, đứng thứ 2 trên HNX, với sự trợ lực của khối ngoại. Nhóm dòng họ “P” trên HNX cũng giao dịch sôi động. HNX-Index tăng mạnh 2.16% lên 61.02 điểm.

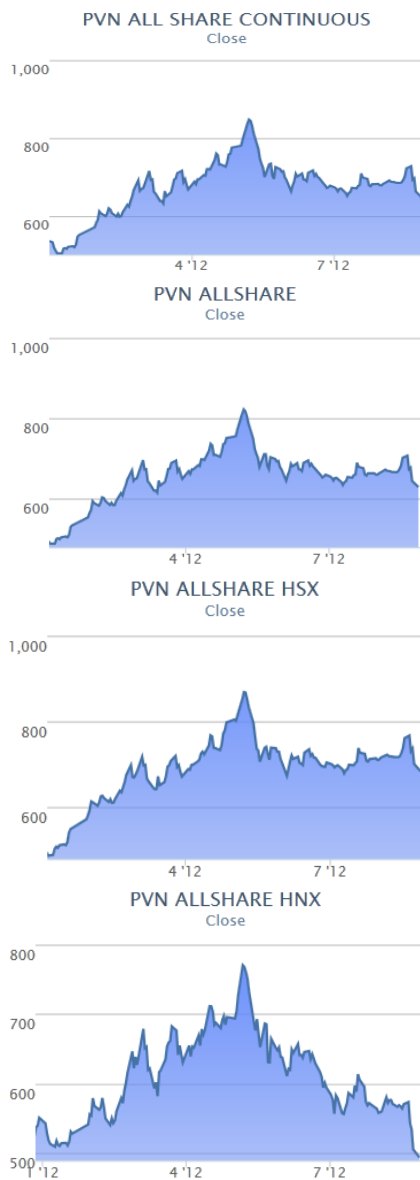
Kết phiên, HNX-Index tăng vọt 3.60% lên 61.88 điểm. Khối lượng đạt 31.3 triệu đơn vị, tăng hơn 5% so với hôm qua, giá trị đạt 260.30 tỷ đồng, tăng 10%. Thị trường có 213 mã tăng (115 tăng trần) trên HNX.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

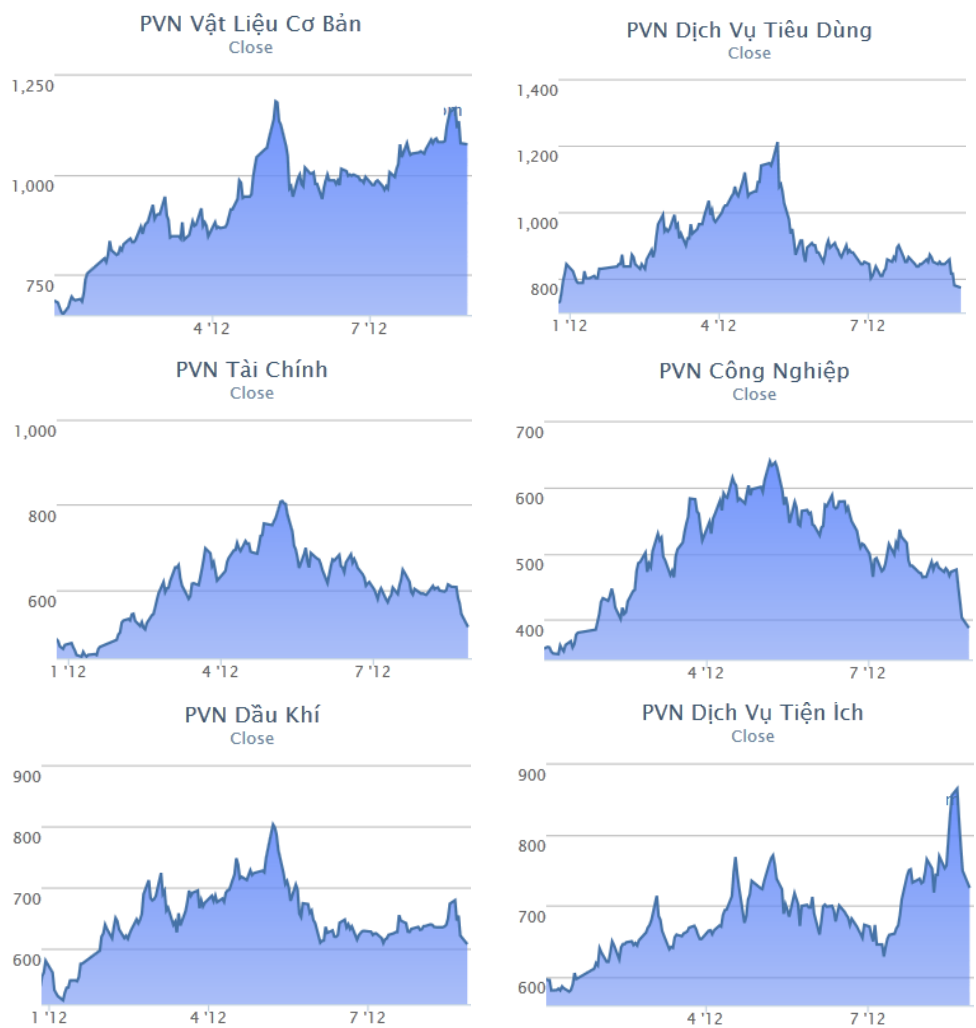


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	758.16	↑ 30.8	↑ 4.23
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	683.62	↑ 30.29	↑ 4.64
PVN ALLSHARE	665.43	↑ 29.11	↑ 4.58
PVN ALLSHARE HNX	517.3	↑ 16.16	↑ 3.23
PVN ALLSHARE HSX	724.94	↑ 33.26	↑ 4.81
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1130.43	↑ 52.17	↑ 4.84
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	816.9	↑ 28.17	↑ 3.57
PVN Tài Chính	515.26	↑ 16.62	↑ 3.33
PVN Công Nghiệp	396.34	↑ 17.07	↑ 4.5
PVN Dầu Khí	648.59	↑ 29.65	↑ 4.79
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	748.49	↑ 26.07	↑ 3.61

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 2 mã cổ phiếu đứng giá, 25 mã tăng giá và duy nhất một mã giảm giá là PVR. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng tới 3,69% và tổng khối lượng giao dịch đạt 9,868 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 29/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,000.0	1,000	→ 0.00	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,900.0	18,700	↑ 3.57	0.28	26.36	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	3,500.0	101,200	↑ 6.06	0.20	0.34	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	18,000.0	718,800	↑ 4.05	1.48	1.20	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,700.0	18,300	↑ 5.48	0.71	4.87	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	→ 0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,600.0	10,600	↑ 4.55	0.45	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	13,600.0	97,088	↑ 5.43	0.81	2.03	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,800.0	4,000	↑ 5.38	1.72	4.47	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,300.0	366,900	↑ 6.19	0.66	7.41	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,600.0	1,800	↑ 1.96	0.67	7.88	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	4,200.0	6,900	↓ -2.33	0.40	1.97	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,100.0	765,900	↑ 2.72	1.28	4.04	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6,700.0	3,894,345	↑ 6.35	0.30	2.52	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	40,200.0	1,294,020	↑ 4.96	3.24	12.88	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	39,000.0	829,890	↑ 4.84	2.33	6.30	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,800.0	63,500	↑ 4.28	1.23	3.26	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,300.0	23,380	↑ 1.61	0.54	4.60	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,600.0	107,720	↑ 3.57	0.66	2.86	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,000.0	263,780	↑ 3.83	1.86	5.37	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,700.0	75,880	↑ 2.78	0.36	2.87	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,100.0	175,470	↑ 4.28	1.15	6.70	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9,900.0	540,940	↑ 4.21	0.87	12.53	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,500.0	354,150	↑ 4.65	0.46	40.91	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,400.0	26,450	↑ 3.85	0.52	3.60	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,000.0	29,120	↑ 2.56	0.36	2.08	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,500.0	71,660	↑ 4.40	0.72	2.85	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,200.0	6,650	↑ 4.00	0.48	3.42	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
GAS	38,300	40,200	4.96	51,892,848
EB	16,100	15,900	-1.24	47,063,261
SSI	18,100	19,000	4.97	34,497,108
DPM	37,200	39,000	4.84	32,116,307
BVH	31,800	32,300	1.57	21,764,559

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,600	10,200	6.25	50,400
PVX	6,300	6,700	6.35	25,783
KLS	8,500	9,000	5.88	19,734
SVN	41,800	41,800	0.00	17,120
SHB	6,800	7,200	5.88	15,433

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ASP	4,000	4,200	200	5.00
TDC	8,000	8,400	400	5.00
HQC	4,000	4,200	200	5.00
SGT	6,000	6,300	300	5.00
PRUBF1	6,000	6,300	300	5.00

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NVC	1,400	1,500	100	7.14
THV	1,400	1,500	100	7.14
DPC	10,000	10,700	700	7.00
CVT	8,600	9,200	600	6.98
C92	7,200	7,700	500	6.94

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,200	1,100	-100	-8.33
VES	1,700	1,600	-100	-5.88
STG	18,100	17,200	-900	-4.97
AGF	26,600	25,300	-1,300	-4.89
LGL	4,200	4,000	-200	-4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HLC	10,000	9,300	-700	-7.00
NST	10,100	9,400	-700	-6.93
VMC	15,000	14,000	-1,000	-6.67
B82	7,500	7,000	-500	-6.67
VCM	13,900	13,000	-900	-6.47

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	36,306	EB	19,032
DPM	13,579	BVH	12,387
BVH	4,639	VCB	8,005
VCB	3,224	STB	4,053
PVD	2,959	CTG	3,730

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	3,948	PGS	5,870
KLS	2,690	AAA	1,028
PVS	2,055	VNR	871
SHB	1,115	SDT	615
LAS	984	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339